

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-01-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Lê Thanh Sơn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Tiến Danh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Y, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17-6-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A đã khai: Bà A và ông Nguyễn Văn B trên cơ sở tìm hiểu với nhau qua một thời gian thì tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện gây gổ và chửi mắng, từ đó dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc nên ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy không thể hòa giải hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà A yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn B.

Về con chung: Bà A và ông B có A con chung tên Nguyễn Thị Thảo S, sinh ngày 08/9/1993 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/10/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà A và ông B không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà A trình bày không có nợ ai.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn B đã khai: Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn ông B thừa nhận như bà A đã khai. Tuy nhiên, ông B cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, có thể hoà giải hàn gắn và bản thân ông B vẫn còn thương bà A nên ông B không chấp nhận yêu cầu của bà A.

Về con chung: Ông B và bà A có A con chung tên Nguyễn Thị Thảo S, sinh ngày 08/9/1993 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/10/1999. Hiện tại, con chung đã thành niên, tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B và bà A không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông B cam kết không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị A đối với ông Nguyễn Văn B.

Về án phí: Buộc bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông B không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa bà A và ông Nguyễn Văn B, ông B có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, bà A và ông B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ

luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng qui định.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay bà A và ông B không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B.

[3] Về con chung: Bà A và ông B thống nhất có A con chung tên Nguyễn Thị Thảo S, sinh ngày 08/9/1993 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/10/1999; con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà A phải chịu án phí sơ thẩm; ông B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Bà A và ông B thống nhất có A con chung tên Nguyễn Thị Thảo S, sinh ngày 08/9/1993 và Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 11/10/1999; con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị A đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: **0014015** ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây

Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trang Thái Châu